**Câu 2:** Mạng lưới đường sắt của nước ta hiện nay được phân bố

**A.** đều khắp các vùng **B.** tập trung ở miền Bắc.

**C.** tập trung ở miền Trung. **D.** tập trung ở miền Nam.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

**A.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng. **B.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

**C.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước. **D.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

**Câu 6:** Tuyến đường bộ huyết mạch theo hướng Bắc - Nam ở nước ta hiện nay là

**A.** đường sắt Thống Nhất. **B.** quốc lộ 1.

**C.** đường Hồ Chí Minh. **D.** quốc lộ 14.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

**A.** Kết nối hầu hết các vùng kinh tế. **B.** Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

**C.** Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam. **D.** Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

**Câu 10:** Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là

**A.** tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp. **B.** mạng lưới phân bố đều khắp ở các vùng.

**C.** có trình độ kĩ thuật - công nghệ hiện đại. **D.** đã ngang bằng trình độ chuẩn của khu vực.

**Câu 12:** Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm

**A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội. **B.** di tích, lễ hội, làng nghề, ẩm thực.

**C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật. **D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 14:** Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

**A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội. **B.** địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.

**C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật. **D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 16:** Sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào sự phân bố của

**A.** tài nguyên du lịch. **B.** các ngành sản xuất. **C.** dân cư. **D.** trung tâm du lịch.

**Câu 18:** Số lượt khách du lịch nội địa trong các năm qua tăng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Chất lượng phục vụ tốt hơn. **B.** Mức sống nhân dân được nâng cao.

**C.** Sản phẩm du lịc này càn đa dạng. **D.** Cơ sở vật chất được tăng cường.

**Câu 20:** Nhóm hàng công nghiệp nào sau đây có tốc độ tăng nhanh nhất trong cơ cấu giá trị xuất khẩu nước ta?

**A.** Công nghiệp nặng và khoáng sản. **B.** Công nghiệp nhẹ - tiểu thủ công nghiệp.

**C.** Nông, lâm, thủy sản và khoáng sản. **D.** Máy móc, thiết bị và nguyên nhiên vật liệu.

**Câu 22:** Thế mạnh nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi nước ta là

**A.** chăn nuôi gia súc lớn và cây lượng thực. **B.** cây lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.

**C.** cây lâu năm và chăn nuôi gia cầm. **D.** cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 24:** Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

**A.** nhiệt điện và hóa chất. **B.** nhiệt điện và xuất khẩu.

**C.** nhiệt điện và luyện kim. **D.** luyện kim và xuất khẩu.

**Câu 26:** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

**B.** dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.

**C.** trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.

**D.** công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến thị trường.

**Câu 28:** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

**A.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều. **B.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

**C.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh. **D.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

**Câu 30:** Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

**A.** đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

**B.** sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

**C.** tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

**D.** cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

**Câu 32:** Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo xu hướng

**A.** tăng tỉ trọng khu vực I; giảm tỉ trọng khu vực II và III.

**B.** tăng tỉ trọng khu vực I và II; giảm tỉ trọng khu vực III.

**C.** tăng tỉ trong khu vực III; giảm tỉ trọng khu vực I và II.

**D.** tăng tỉ trọng khu vực II và III; giảm tỉ trọng khu vực I.

**Câu 34:** Phát biểu nào sau đây đúng về định hướng chuyển dịch cơ cấu trong ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng cây thực phẩm.

**B.** Tăng tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp.

**C.** Giảm tỉ trọng cây thực phẩm, tăng cây lương thực.

**D.** Giảm tỉ trọng cây công nghiệp và cây lương thực.

**Câu 36:** Đồng bằng sông Hồng trở thành vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm của nước ta do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời. **B.** Diện tích rộng lớn, dân cư đông đúc.

**C.** Đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào. **D.** Vị trí địa lí thuận lợi, nhiều đô thị lớn.

**Câu 38:** Việc làm đang là vấn đề nan giải ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

**A.** nguồn lao động dồi dào, kinh tế còn chậm phát triển.

**B.** dân đông, tài nguyên tự nhiên bị khai thác quá mức.

**C.** mật độ dân số cao, phân bố dân cư không đồng đều.

**D.** lao động trồng trọt đông, dịch vụ còn chưa đa dạng.

**Câu 40:** Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** lạc, mía, thuốc lá. **B.** lạc, đậu tương, đay, cói.

**C.** dâu tằm, lạc, cói. **D.** lạc, dâu tằm, bông, cói.

**Câu 42:** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp của Bắc Trung Bộ là

**A.** bão, lũ lụt, hạn hán. **B.** gió lào khô nóng, bão cát.

**C.** xâm nhập mặn, ngập úng. **D.** sóng lừng, sạt lở bờ biển.

**Câu 44:** Ý nghĩa quan trọng nhất của đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** tạo thế mở hơn nữa để tiếp tục thu hút đầu tư.

**B.** thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía tây.

**D.** tạo thế liên hoàn trong cơ cấu kinh tế theo không gian.

**Câu 46:** Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong việt phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.

**B.** khai thác hợp lí đi đôi bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**C.** hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.

**D.** ngừng việc khai thác ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.

**Câu 48:** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. **B.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

**C.** liền kề với các ngư trường lớn. **D.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

**Câu 50:** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

**A.** Bờ biển dài, nhiều đầm phá. **B.** Các tỉnh/thành phố đều giáp biển.

**C.** Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió. **D.** Ít chịu ảnh hưởng của bão.

**Câu 52:** Biện pháp quan trọng nhất đối với ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. **B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi. **D.** phát triển nuôi trồng và đẩy mạnh chế biến.

**Câu 54:** Ý nghĩa chủ yếu việc nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam ở Duyên hải Nam Trung bộ là

**A.** tăng vai trò trung chuyển của vùng. **B.** đẩy mạnh sự giao lưu giữa các tỉnh.

**C.** tăng cường giao lưu với vùng Tây Nguyên. **D.** tăng cường quan hệ với các nước láng giềng.

**Câu 56:** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Có nguồn nước dồi dào. **B.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

**C.** Khí hậu phân hóa theo độ cao. **D.** Khí hậu cận xích đạo với 2 rõ rệt.

**Câu 58:** Khó khăn lớn nhất trong phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên hiện nay là

**A.** thiếu lao động có trình độ kỹ thuật cao. **B.** giống cây trồng cho năng suất chưa cao.

**C.** thị trường xuất khẩu có nhiều biến động. **D.** công nghiệp chế biến còn chậm phát triển.

**Câu 60:** Việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên chủ yếu dựa vào các điều kiện thuận lợi nào sau đây?

**A.** Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất badan giàu dinh dưỡng.

**B.** Đất badan có diện tích rộng, giống cây trồng có chất lượng tốt.

**C.** Đất badan ở trên những mặt bằng rộng, nguồn nước dồi dào.

**D.** Khí hậu mát mẻ trên các cao nguyên cao trên 1000m, đất tốt.

**Câu 62:** Nhân tố được coi là có ảnh hưởng lớn nhất đến phân bố cây cà phê ở Tây Nguyên là

**A.** khí hậu cận xích đạo. **B.** đất đỏ badan.

**C.** kinh nghiệm của người dân. **D.** địa hình phân bậc rõ rệt.

**Câu 64:** Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** tìm thị trường xuất khẩu ổn định. **B.** quy hoạch lại các vùng chuyên canh.

**C.** đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp. **D.** đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm.

**Câu 66:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cao su. **B.** Cà phê. **C.** Dừa. **D.** Chè.

**Câu 68:** Đông Nam Bộ **không** giáp với vùng nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 70:** Vai trò quan trọng nhất của công trình thủy lợi hồ Dầu Tiếng ở Đông Nam Bộ là

**A.** đảm bảo cân bằng cho hệ sinh thái nông nghiệp. **B.** phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch.

**C.** cung cấp nước tưới cho các vùng chuyên canh. **D.** tiêu nước cho thượng nguồn sông Đồng Nai.

**Câu 72:** Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** bảo tồn sự đa dạng sinh học. **B.** có giá trị du lịch sinh thái cao.

**C.** bảo tồn những di tích lịch sử. **D.** diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 74:** Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

**A.** khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.

**B.** sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.

**C.** giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.

**D.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lí tài nguyên.

**Câu 76:** Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ, ngoài thuỷ lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

**A.** áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất. **B.** nâng cao trình độ của người lao động.

**C.** tăng cường sử dụng phân bón, thuốc thực vật. **D.** thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng.

**Câu 78:** Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp Đông Nam Bộ là

**A.** đầu tư, phát triển công nghiệp lọc - hóa dầu.

**B.** phát triển hạ tầng giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

**C.** tăng cường cơ sở năng lượng và thu hút đầu tư nước ngoài.

**D.** hiện đại hóa tam giác tăng trưởng công nghiệp.

**Câu 80:** Loại đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** đất nông nghiệp. **B.** đất lâm nghiệp. **C.** đất chuyên dùng. **D.** đất ở.

**Câu 82:** Ngành khai thác thuỷ sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì có

**A.** ba mặt giáp biển, ngư trường lớn. **B.** nhiều vùng trũng ngập nước.

**C.** nhiều bãi triều và rừng ngập mặn. **D.** mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc.

**Câu 84:** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với cải tạo tự nhiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Đẩy mạnh khai thác thủy sản khi có lũ về.

**B.** Lai tạo các giống lúa chịu được phèn, mặn.

**C.** Làm thủy lợi để có nước ngọt vào mùa khô rửa phèn, rửa mặn cho đất.

**D.** Khai phá rừng ngập mặn để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 86:** Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.

**B.** nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

**C.** đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

**D.** thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

**Câu 88:** Hướng chính trong khai thác kinh tế biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

**A.** khai thác sinh vật biển, khoáng sản và du lịch biển đảo.

**B.** biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên thế kinh tế liên hoàn.

**C.** bờ biển, đất liền và hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

**D.** du lịch biển, phát triển giao thông vận tải biển, du lịch miệt vườn.

**Câu 90:** Ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** vật liệu xây dựng. **B.** cơ khí nông nghiệp.

**C.** sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** chế biến lương thực, thực phẩm.